

DƯƠNG VĂN BIÊN\*

## HIỆN TƯỢNG ĐỨC MẸ HIỆN HÌNH: TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH VÀ NHÌN NHẬN TỪ QUY ĐỊNH CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Đức Mẹ hiện hình là một hiện tượng tôn giáo phức tạp, nhận được sự quan tâm từ nhiều phía, bao gồm cả công chúng, giới nghiên cứu, các nhà quản lý xã hội và Giáo hội Công giáo. Việc nghiên cứu hiện tượng này đã được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Bài viết này lựa chọn cách tiếp cận toàn thể của Nhân học và Hiện tượng học tôn giáo, đồng thời đề xuất nhìn nhận “Đức Mẹ hiện hình” như một hiện tượng tôn giáo đa chiều kích. Ngoài ra, bài viết nhấn mạnh rằng, quan điểm và quy định chính thức của Giáo hội Công giáo về hiện tượng này, đặc biệt là các quy định ban hành vào năm 1978 và 2024, cần được xem xét như một nguồn tham chiếu quan trọng. Việc đối chiếu giữa hai thời điểm cho thấy sự biến đổi trong quy định của Giáo hội Công giáo đối với hiện tượng Đức Mẹ hiện hình, từ đó cung cấp những gợi ý hữu ích cho công tác nghiên cứu và quản lý tôn giáo trong bối cảnh Việt Nam.

**Từ khóa:** Công giáo, Đức Mẹ hiện hình, hiện tượng học tôn giáo, Giáo hội Công giáo, hiện tượng tôn giáo.

### Mở đầu

Các tuyên bố về việc Đức Mẹ hiện hình không chỉ phổ biến trên thế giới, mà còn được ghi nhận trong lịch sử Công giáo tại Việt Nam. Tiêu biểu là các trường hợp Đức Mẹ La Vang (Quảng Trị), Đức Mẹ Trà Kiệu (Quảng Nam, nay là thành phố Đà Nẵng), và Đức Mẹ La Mã (Bến Tre trước đây, nay là Vĩnh Long). Những địa điểm này dần phát triển thành các trung tâm hành hương lớn, thu hút đông đảo tín đồ Công giáo trong nước và hải ngoại. Hiện nay, mỗi dịp lễ hội hành hương, các trung tâm Đức Mẹ La Vang và Trà Kiệu có thể quy tụ hàng vạn người tham dự, trong đó phần lớn là tín đồ Công giáo. Một số tuyên bố về Đức Mẹ hiện hình trong thế kỷ XX được cho là mang động cơ chính trị (Denney, 1990: 271). Vào năm 1999, hiện tượng Hà Môn do bà Y Gyin ở Tây Nguyên tuyên bố nhìn thấy Đức Mẹ hiện hình, lôi kéo nhiều người đi theo (Nguyễn Phú Lợi, 2014: 87; Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2017: 269). Rõ ràng, các tuyên bố về Đức Mẹ hiện hình, dù được Giáo hội Công giáo chính thức công nhận hay không, đều đã vượt ra khỏi phạm vi trải nghiệm cá nhân, lan truyền rộng rãi trong cộng đồng và tạo ra những ảnh hưởng đáng kể về mặt tôn giáo và xã hội tại nhiều địa phương.

\* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: vanbien86@gmail.com.

Ngày nhận bài: 04/7/2025; ngày phản biện: 15/8/2025; ngày duyệt đăng: 09/9/2025.

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “Quan điểm của Công giáo ở Việt Nam về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình và những vấn đề đặt ra”, do TS. Dương Văn Biên chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học chủ trì.

Các nghiên cứu quốc tế về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận học thuật. Một số công trình tiếp cận từ góc độ Tâm lý học (Carroll, 1992; Ingo Swann, 1996; Musso, 2019.), Nhân học và Sử học (Cruz, 2015; Maunder, 1991 & 2016) và Thần học (Miller and Samples, 1992) phản ánh nỗ lực lý giải hiện tượng này dưới nhiều chiều kích khác nhau. Những trường hợp Đức Mẹ hiện hình nổi tiếng như Lourdes và Fatima đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu rộng rãi với các công trình tiêu biểu của Patrick Marnham (1981) và Rev. Fr. V. Montes De Oca (1945). Bên cạnh đó, hiện tượng Đức Mẹ hiện hình tại La Vang (Việt Nam) cũng đã được một số học giả nước ngoài đề cập. Đáng chú ý là nghiên cứu của Thien-Huong T. Ninh (2017) đã phân tích sự kiện hiện hình của Đức Mẹ tại La Vang, quá trình hình thành trung tâm hành hương ở Việt Nam và quá trình bản địa hóa hình tượng Đức Mẹ La Vang diễn ra trong cộng đồng Công giáo người Việt ở Hoa Kỳ. Hay nghiên cứu của Mary Kim Anh Thi Tran (2024) cũng trình bày chi tiết những lần được cho là hiện ra của Đức Mẹ La Vang và phân tích các khía cạnh thần học liên quan đến sự kiện này.

Trong khi đó, các nghiên cứu trong nước về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình cũng đã đạt những kết quả nhất định. Nguyễn Hồng Dương (2001: 315) nhận định rằng, niềm tin vào sự hiện ra (hiện hình) của Đức Mẹ Maria là một hiện tượng phổ quát, thường gắn liền với những sự kiện chính trị - xã hội bất ổn, khi tín đồ gặp khó khăn và cần được cứu giúp. Ông cũng cảnh báo rằng, không loại trừ việc tuyên bố Đức Mẹ hiện hình là do bị lợi dụng vào các mưu đồ chính trị và tin đồn nhằm gây ra những bất ổn xã hội. Cùng trong nghiên cứu này, ông phân tích ba lập trường của Giáo hội Công giáo đối với các tuyên bố Đức Mẹ hiện hình: xác tín; không xác tín nhưng không phê phán; phê phán (Nguyễn Hồng Dương, 2001: 315-316). Có quan điểm tương đồng, Đỗ Quang Hưng (2016) cũng cho rằng hiện tượng Đức Mẹ Maria hiện hình phản ánh nhu cầu tạo ra hình tượng giữ đạo khi tín đồ Công giáo bị bách hại, khi đức tin có nguy cơ bị sai lạc hoặc củng cố các phép màu nhiệm cơ bản của Công giáo. Theo ông, mặc dù Giáo hội Công giáo “tất nhiên thừa nhận các cuộc hiện hình” nhưng thường không ban hành các giáo huấn chính thức, và sự thừa nhận hay bác bỏ những địa điểm có liên quan đến Đức Mẹ hiện hình thường giao cho các Giám mục giáo phận. Đáng chú ý, ông đề xuất tiếp cận trường hợp Đức Mẹ hiện hình ở La Vang như là “một hiện tượng tôn giáo, xã hội, và văn hóa, du lịch”, đồng thời khuyến nghị cần có những đấu tranh chống lợi dụng về mặt chính trị và tâm lý liên quan đến hiện tượng này.

Ngoài ra, một số nghiên cứu khác đã tập trung vào hiện tượng Hà Mòn ở Tây Nguyên. Nguyễn Phú Lợi (2014) có điểm qua về tuyên bố nhìn thấy Đức Mẹ hiện hình. Trong khi đó, Nguyễn Văn Minh (chủ biên, 2017) đi sâu phân tích quá trình hình thành Hà Mòn và quan điểm chính thức của Tòa Giám mục Kontum trong việc phủ nhận tuyên bố Đức Mẹ hiện hình của bà Y Gyin. Dương Văn Biên (2024) tập trung vào trường hợp Đức Mẹ La Vang, đánh giá quá trình văn bản hóa các thông tin Đức Mẹ hiện hình, tiến trình bản địa hóa hiện tượng này, và tác động của các quá trình này đối với sự lan truyền ảnh hưởng của hiện tượng Đức Mẹ hiện ra ở La Vang. Một số nghiên cứu khác từ giới nghiên cứu Công giáo Việt Nam như Hồng Phúc (chủ biên, 1955; 1998), Phạm Cảnh Đáng (2020) đã cung cấp các tư liệu về lịch

sử của hiện tượng Đức Mẹ hiện hình ở La Vang, Trà Kiệu và La Mã.

Các nghiên cứu đi trước đã cho thấy, hiện tượng Đức Mẹ hiện hình là một hiện tượng tôn giáo phức tạp, đan xen nhiều chiều kích tôn giáo, xã hội và chính trị, do đó cần được quan tâm từ cả phía Nhà nước, xã hội và Giáo hội Công giáo. Trong nghiên cứu khoa học, hiện tượng này đã được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Dù đã có những thành tựu đáng chú ý, nhưng tôi cho rằng, các tiếp cận dưới góc độ nhân học và tôn giáo học vẫn chưa được chú ý. Hơn nữa, các quy định chính thức của Giáo hội Công giáo về hiện tượng này, trong lịch sử và hiện tại, vẫn còn thiếu phân tích cụ thể. Kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đi trước và sử dụng phương pháp phân tích tài liệu với nguồn tư liệu chủ yếu bằng tiếng Anh và tiếng Việt, nghiên cứu này chủ trương không nên phân tách tuyệt đối giữa cách tiếp cận bên trong và bên ngoài về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình. Thay vào đó, bài viết xem xét hiện tượng này như một hiện tượng tôn giáo đa chiều kích. Đồng thời, bài viết hướng đến hệ thống hóa và cập nhật các quan điểm, quy định của Giáo hội Công giáo đối với hiện tượng hiện hình nói chung và Đức Mẹ hiện hình nói riêng. Tôi cho rằng, không phải sự kiện hay tuyên bố nào về Đức Mẹ hiện hình cũng được Giáo hội Công giáo công nhận hay bác bỏ. Giáo hội Công giáo thường rất cẩn trọng và đánh giá vấn đề này dựa trên những tiêu chí cụ thể để thể hiện thái độ và đưa ra các quyết định ở các cấp độ khác nhau. Từ những phân tích như vậy, bài viết mong muốn góp phần bổ sung một hướng tiếp cận nhận thức luận khoa học và một số gợi ý thực tiễn đối với những trường hợp liên quan đến hiện tượng Đức Mẹ hiện hình tại Việt Nam.

### 1. Hiện tượng Đức Mẹ hiện hình qua các cách tiếp cận

“Hiện hình” là một hiện tượng phổ biến trong đời sống tôn giáo của nhiều cộng đồng tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau. Trong tiếng Anh, thuật ngữ *apparition* có nguồn gốc từ chữ Latin là *apparitio*, có nghĩa là “sự xuất hiện” hay “sự hiện diện”. Theo Miller and Samples (1992: 8) và Ford (2006: 20): hiện hình được định nghĩa là sự xuất hiện của một thực thể siêu nhiên hoặc thực thể tâm linh, biểu lộ trực tiếp cho cá nhân hay nhóm người biết. Hiện hình cũng không nhất thiết chỉ gắn với một thực thể đã chết. Có cả hiện tượng hiện hình của những thực thể sống nhưng đang ở khoảng cách xa so với người chứng kiến.

Còn theo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên thì từ “hiện” có hai nghĩa: (1) thời điểm người nói đang nói; (2) trở nên có thể nhìn thấy được (Hoàng Phê chủ biên, 2003: 437). Cũng theo từ điển này, “hiện hình” trong bối cảnh tôn giáo, tín ngưỡng là hiện tượng “ma quỷ, thần linh hiện ra cho thấy” và thường gắn với “mê tín, dị đoan” (Hoàng Phê chủ biên, 2003: 438).

Tùy vào cách tiếp cận, hiện tượng hiện hình và thị kiến siêu nhiên có thể được lý giải theo nhiều hướng khác nhau. Cách tiếp cận tâm lý học coi hiện hình là sự xuất hiện hoặc nhận thức mang tính bất thường hay huyền bí. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng hiện tượng này có liên quan đến trạng thái tâm lý như ảo giác hoặc ảo tưởng của con người. Chẳng hạn, trong nghiên cứu xã hội học và tâm lý học, Michael P. Carroll cho rằng, hiện hình có thể bắt nguồn từ các nguyên nhân tự nhiên và thuộc về “ảo tưởng” (illusions) hoặc “ảo giác”

(hallucinations). Trong đó, ảo tưởng là nhận thức sai lầm về các kích thích vật lý có thể kiểm chứng bằng các quan sát độc lập (như các bác sĩ tâm lý lâm sàng), trong khi ảo giác có nghĩa hơi khác ở chỗ, chủ thể nhận thức được kích thích và tin rằng đó là thứ tồn tại thực sự, chứ không phải là tưởng tượng (Carroll, 1992: 117). Carroll cũng dẫn lại quan điểm của nhà tâm lý học Sigmund Freud xem xét hiện tượng ảo giác tôn giáo một cách chi tiết và đưa ra hai giả thuyết: *Thứ nhất*, sự xuất hiện của ảo giác đóng vai trò như “một cơ chế để giải phóng năng lượng tính dục dư thừa”; *Thứ hai*, “nội dung của hiện hình được hình thành bởi mong muốn của người nhìn thấy để thỏa mãn một mong muốn vô thức” (Carroll, 1992: 141). Từ góc nhìn duy lý, một số nhà triết học vô thần lập luận rằng “những hiện tượng hiện hình luôn có thể được giải thích bằng ảo giác do bệnh về thể chất hoặc tinh thần gây ra, hoặc chỉ là các trò lừa bịp của tự nhiên đối với những giác quan và do sự tưởng tượng của tâm trí, hay là sự khéo léo của các thầy pháp và tu sĩ tạo ra” (Clark, 2003: 144).

Thần học Công giáo thừa nhận rằng: một số tuyên bố về hiện hình và thị kiến có thể liên quan đến yếu tố tâm lý, thể lý, thậm chí xuất phát từ động cơ cá nhân. Tuy nhiên, thần học Công giáo không xem các hiện tượng hiện hình và thị kiến đích thực là kết quả của ảo giác, ảo tưởng hay có liên quan đến các vấn đề về thể lý và tinh thần của người thị kiến. Theo quan điểm này, hiện hình là một hình thức thị kiến vượt ra ngoài phạm vi nhận thức thông thường của con người, không có sự liên kết rõ ràng nào với thị giác, và cũng khác với cơ chế của giấc mơ (Zimdars-Swartz, 1991: 4). Thị kiến hiện hình không phải là trải nghiệm chủ quan đơn thuần mà là “sự can thiệp khách quan từ một quyền năng cao hơn” (Miller and Samples, 1992: 81). Vì thế, việc chứng kiến hiện tượng hiện hình không phải dạng “thị kiến tự nhiên của con người”, và cũng không liên quan tới những hiện tượng mà các nhà tâm lý học gọi là ảo tưởng và ảo giác. Thị kiến hiện hình phải được xem là “một ân sủng đặc biệt” – *gratia gratis data* (Jelly, 1993: 42). Đây là những ân huệ đặc biệt mà Thiên Chúa ban cho một số người, thuộc về “những mặc khải riêng tư” (private revelations), vượt qua các quy luật thông thường để vén bức màn ngăn cách con người và các thực tại của thế giới siêu nhiên; để hiển thị các thực tại này tới cảm giác trực tiếp hoặc nhận thức tri thức của các cá nhân được chọn (Swann, 1996: 13). Khác với mặc khải công (public revelation) vốn đã có trong truyền thống Giáo hội và Kinh Thánh Công giáo, mặc khải riêng tư nhờ có thị kiến siêu nhiên hiện hình mà các cá nhân có ân sủng đặc biệt có thể nhận biết được một số thực thể mà con người không thể nhìn thấy một cách tự nhiên được (Kingham, 2007: 7). Do đó, thần học Công giáo xếp hiện hình vào phạm trù “thị kiến siêu nhiên” (a supernatural vision) một cách đích thực, phân biệt với ảo giác hay ảo tưởng gây ra do trạng thái tinh thần bởi bệnh lý hay tác động của ma quỷ (Carson, Cerrito, 2003: 562). Với cách hiểu này, hiện hình đích thực chính là sự hiện diện của các thực thể thiêng liêng như Thiên Chúa, Đức Mẹ, thiên thần hay các vị thánh trên trái đất (United States Catholic Conference, 1997: 867). Sự hiện hình có thể tác động tới nhiều giác quan như thị giác và các giác quan khác, khiến người thị kiến có thể nghe thấy tiếng nói, tiếp xúc với nhân vật và ngửi thấy những mùi hương cụ thể (Miller and Samples, 1992: 80; Ford, 2006: 80).

Có thể nói, theo thế giới quan tôn giáo của người Công giáo, hiện tượng hiện hình không phải là một biểu hiện của mê tín, dị đoan. Hiện hình cũng không nhất thiết phải gắn liền với các trạng thái ảo giác, các vấn đề về thể lý hoặc tinh thần, hay sự lợi dụng tôn giáo của các nhà thực hành tôn giáo. Khi được đặt trong bối cảnh thần học và đức tin Công giáo, hiện tượng hiện hình có cơ sở trong giáo thuyết hay truyền thống niềm tin của cộng đồng tôn giáo này. Từ cách tiếp cận chủ thể/bên trong (emic/inside perspective), có thể thấy rằng, với các thành viên thuộc về một cộng đồng tôn giáo hoặc tín ngưỡng nhất định, hiện hình được tin là có thật và có ý nghĩa trong chính bối cảnh tôn giáo, văn hóa của cộng đồng đó. Việc thị kiến thần linh hiện hình được xem là một phương thức hữu hiệu để tín hữu “liên lạc” với thần thánh, và qua đó khẳng định khả năng tiếp nhận hiện tượng này như một “biểu hiện đích thực của đấng siêu nhiên” của cộng đồng tôn giáo đó (Maunder, 2016: 6). Một điểm đáng lưu ý là, đối với Công giáo, hiện tượng hiện hình - đặc biệt là hiện hình của Đức Mẹ - chỉ được công nhận là chân thực khi Giáo hội Công giáo chính thức xác nhận thông qua một quy trình thẩm định thần học và mục vụ rõ ràng.

Từ cách tiếp cận khách thể/bên ngoài (etic/outside perspective), mặc dù người có niềm tin cho rằng hiện hình là một hiện tượng siêu nhiên, nhưng thực tế, sự hiện hình rõ ràng có tác động tới các giác quan của người chứng kiến. Thường thì hiện hình được mô tả như một sự xuất hiện một cách trực quan, có thể cảm nhận được bằng giác quan trong những hình hài cụ thể như con người, đồ vật hoặc các tín hiệu (âm thanh, ánh sáng...). Như thế, một trong những đặc điểm nền tảng của hiện hình chính là cách thức các lực lượng siêu nhiên được người thị kiến cảm nhận thông qua các giác quan (thị giác, thính giác, xúc giác...). Hơn nữa, mặc dù được xem là thánh thiêng, khi đặt trong mối tương quan với bối cảnh lịch sử và xã hội cụ thể, có thể thấy rằng, hiện tượng hiện hình không hoàn toàn tách biệt với những mối liên hệ của đời sống thế tục. Hiện hình không thể được tuyệt đối hóa như một hiện tượng đơn thuần thuộc phạm trù cái thiêng (sacred), thuộc về siêu nhiên và hoàn toàn tách biệt khỏi cái phàm (secular). Ngược lại, hiện hình bao hàm những chiều kích có thể giải thích được từ chính thế giới hiện thực của những cá nhân trải nghiệm hoặc tuyên bố có trải nghiệm thị kiến hiện hình. Vì vậy, hiện hình ít nhiều phản ánh hiện thực xã hội qua lăng kính của người có niềm tin tôn giáo.

Từ góc độ hiện tượng học tôn giáo (phenomenology of religion), hiện hình có thể được nhận diện như là một hiện tượng tôn giáo (religious phenomenon) với nhiều chiều kích: giáo lý/triết học, nghi lễ, thần thoại/câu chuyện kể, kinh nghiệm/cảm xúc, đạo đức, xã hội, vật chất và hiệu ứng chính trị (Smart, 1996). Hiểu theo cách tiếp cận toàn thể của Nhân học (Holism in Anthropology), các sự kiện tôn giáo cần được xem như các thành phần hay chiều kích của tổng thể văn hóa và xã hội rộng lớn hơn, và không tách rời yếu tố tôn giáo khỏi các yếu tố phi tôn giáo, mà còn phải tìm ra những mối liên hệ không thể phân lập giữa tôn giáo và các yếu tố khác (Lambek ed, 2008: 2).

Nghiên cứu này cho rằng, không nên phân tách tuyệt đối hay đối lập hai cách tiếp cận chủ thể và khách thể trong việc nhận diện và lý giải hiện tượng Đức Mẹ hiện hình. Thay vào đó, cần kết hợp cả hai cách tiếp cận này để hỗ trợ cho nhau nhằm giải thích hiện hình như một

hiện tượng tôn giáo mang tính đa chiều kích. Hiện tượng Đức Mẹ hiện hình được tín hữu Công giáo tin là có thật bởi nó có những cơ sở giáo lý và thần học. Nói cách khác, trong thế giới quan Công giáo, việc Đức Mẹ hiện hình là hoàn toàn khả thể và được tin là diễn ra thực. Cho nên, cần cẩn trọng khi nhận xét hiện tượng này như điều gì đó thuộc về mê tín, dị đoan. Đồng thời, các hiện tượng Đức Mẹ hiện hình thường xuất hiện trong những bối cảnh lịch sử - văn hóa - xã hội - chính trị cụ thể, gắn với các cá nhân hoặc nhóm xã hội nhất định. Mỗi sự kiện hiện hình được tuyên bố thường đi kèm các câu chuyện kể, các trải nghiệm cảm xúc và những thông điệp mang ý nghĩa tôn giáo, đạo đức, xã hội và chính trị. Không ít tuyên bố về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình sau đó đã được vật chất hóa thành các chứng tích để thực hành thờ phụng như tượng, ảnh, đồ thờ, đèn thánh, nhà thờ hay các trung tâm hành hương. Như vậy, hiện hình không chỉ xuất phát từ cơ sở niềm tin tôn giáo mà còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài như điều kiện địa lý, căng thẳng xã hội và chính trị - những yếu tố có thể góp phần thúc đẩy sự thừa nhận của một cộng đồng cụ thể đối với hiện tượng hiện hình là đúng và đáng để tin theo (Blackbourn, 1994: 6). Các chiều kích, bối cảnh và tác nhân liên quan đến hiện tượng Đức Mẹ hiện hình có thể được tiếp cận từ hai hướng lý thuyết chính: cách tiếp cận toàn thể trong Nhân học và Hiện tượng học tôn giáo. Theo cách nhìn nhận liên ngành này, hiện tượng hiện hình của Đức Mẹ Maria cần được xem như một hiện tượng tôn giáo mang tính tổng thể, với những thành tố và chiều kích đa dạng: cái thiêng như cốt lõi niềm tin tôn giáo và các chiều kích hỗ trợ như cảm xúc, vật chất, chính trị - xã hội, văn hóa, kinh tế và môi trường. Các phương diện này không tách rời mà có mối quan hệ, tác động lẫn nhau.

## **2. Quy định của Giáo hội Công giáo về Đức Mẹ hiện hình**

### **2.1. Những quy định trước năm 1978**

Như đã đề cập ở phần trên, hiện tượng hiện hình, thị kiến và phép lạ được Giáo hội Công giáo xếp vào phạm trù hiện tượng siêu nhiên và mặc khải tư (private revelation), khác với mặc khải công (public revelation). Tuy nhiên, không vì thế mà xem nhẹ hiện tượng hiện hình, bởi lẽ mặc khải tư trong nhiều trường hợp lại là “động lực của đức tin và làm cho đức tin mạnh mẽ hơn” (Rabczyński, 2019: 546). Người Công giáo tin vào hiện tượng Đức Mẹ hiện hình trên cơ sở giáo lý và quy định của Giáo hội, theo đó, Đức Mẹ được tôn kính như đáng trung gian, cầu bầu cho các tín hữu trước Thiên Chúa. Trong Kinh thánh, thuật ngữ “hiện hình” thường được sử dụng để chỉ sự xuất hiện ra của các nhân vật thánh thiêng hoặc siêu nhiên, từ thế giới thần linh và tâm linh. Trong một số văn cảnh, hiện hình còn được ám chỉ sự xuất hiện của những người đã qua đời. Các hiện tượng hiện hình thường gắn với những phép lạ và thực hành sùng kính nhất định. Phép lạ, thường là sự kiện vượt ra khỏi những quy luật tự nhiên, và được tin là có nguồn gốc siêu nhiên như bắt nguồn từ hành động của Thiên Chúa hay các thánh.

Tương truyền, lần đầu tiên Đức Mẹ được tin là hiện hình diễn ra vào năm 40 sau Công nguyên, khi Đức Mẹ hiện ra với Thánh James (Giacôbê) ở Saragossa, Tây Ban Nha. Kể từ thời điểm đó, trong suốt chiều dài lịch sử Công giáo, đã có hàng nghìn tuyên bố về hiện tượng

Đức Mẹ hiện hình trên toàn thế giới. Tuy nhiên, đối với các sự kiện được cho là Đức Mẹ hiện hình, Giáo hội Công giáo, đặc biệt là thông qua Bộ Giáo lý Đức tin, luôn tiến hành xem xét rất cẩn trọng và có quy trình thẩm tra nghiêm ngặt, nhằm bảo vệ bản chất đức tin và phòng ngừa những sai lầm. Thực tế, dù hiện tượng hiện hình có lịch sử lâu đời và trở thành một phần quan trọng trong đời sống của người Công giáo, nhưng quy định chính thức của Giáo hội Công giáo Rôma về việc xác nhận và phân định hiện tượng này vẫn chưa được xác lập một cách rõ ràng trong một thời gian dài. Dần dần, vấn đề hiện hình được đặt trong mối liên hệ với các hiện tượng phép lạ, mặc khải tư và thậm chí cả các quy định về sách cấm. Công đồng Trent (1545-1563) đã hướng dẫn việc điều tra các phép lạ. Theo đó, các phép lạ mới chỉ được chấp nhận sau khi trải qua quá trình thẩm định và được phê chuẩn bởi Giám mục địa phương. Quyết định công nhận này được dựa trên việc tham vấn ý kiến của các nhà thần học, những người ngoan đạo, nhằm có căn cứ phán xét về tính chân lý và sùng đạo của các phép lạ đó (Schroeder, 1960: 217). Phương pháp này sau đó đã được Giáo hội Công giáo áp dụng trong việc xem xét các tuyên bố về hiện hình.

Đền Sắc lệnh *De Servorum Dei Beatificatione et de Beatorum Canonization* (Phong chân phước cho các tôi tớ Chúa và phong thánh cho các vị chân phước) ban hành năm 1740, Giáo hoàng Benedict XIV (1675-1758) nêu rõ rằng, Giáo hội Công giáo có thể công nhận một sự mặc khải riêng tư chỉ sau khi đã được điều tra cẩn thận và chỉ được phép công bố với mục đích hướng dẫn và đem lại điều tốt lành cho các tín hữu. Những mặc khải như vậy, ngay cả khi được Giáo hội đồng ý vẫn không nên được xem như “đức tin Công giáo” (*fides catholica*), mà chỉ nên được hiểu là “đức tin của con người” (*fides humana*) theo các quy tắc của sự khôn ngoan. Từ đó khiến mặc khải tư trở nên hợp lý và khả tín theo chiều kích sùng tín cá nhân. Giáo hoàng Benedict XIV đã đưa ra kết luận rằng: “Có thể từ chối chấp thuận những sự kiện mặc khải này miễn là người đưa ra quyết định có sự khiêm nhường xuất phát từ lý do chính đáng và không có ý định chế giễu” (Zimdars-Swartz, 1991: 9). Những tuyên bố về sau của Giáo hội đối với các hiện tượng hiện hình ít nhiều tái khẳng định quan điểm trên. Như thế, hiện hình được xếp vào một trong những dạng “mặc khải riêng tư”; các thông điệp được cho là đến từ các lần hiện hình - kể cả đã được công nhận – không được đưa vào mặc khải công chính thức của Giáo hội, vốn đã được đề cập trong các nguồn Kinh Thánh và truyền thống Tông đồ (Miller and Samples, 1992: 84).

Tới Bộ giáo luật 1917, điều khoản về hiện tượng hiện hình được đặt trong các quy định về sách cấm và mặc khải riêng tư. Theo Điều 1399 của Bộ giáo luật 1917, các ấn phẩm mô tả về những cuộc hiện hình, mặc khải, thị kiến, tiên tri và phép màu mới, hoặc các nội dung dẫn tới những hình thức sùng kính mới, kể cả khi được cho là mặc khải riêng tư, nếu không được phát hành theo quy định giáo luật và có sự chấp thuận của Giám mục địa phương, thì sẽ bị cấm (Kingham, 2007: 57).

Trong khi đó, về mặt thực hành sùng kính Đức Mẹ và các thánh, ít nhất từ thế kỷ thứ IV và V, những nhà thuyết giảng và Giám mục đã chú ý đến vấn đề niềm tin liên quan đến quyền lực cầu bầu của các vị thánh đã qua đời nói chung và đặc quyền đặc biệt dành cho Đức Mẹ

Maria nói riêng. Nếu quyền lực của các vị thánh đã mất ít được nhấn mạnh trong giảng dạy chính thức của Công giáo Rôma từ những thời kỳ đầu Trung cổ, thì đặc quyền đặc biệt và ản ý về quyền năng đặc biệt của Đức Mẹ được thể hiện rõ nét hơn. Năm 1854, Sắc lệnh *Ineffabilis Deus* (Thiên Chúa khôn lường) - của Giáo hoàng Pius IX đã tuyên tín Vô nhiễm nguyên tội của Đức Mẹ Maria. Vào cuối Năm Thánh 1950, tín điều Hồn xác lên trời của Đức Mẹ được Giáo hoàng Pius XII tuyên tín (Zimdars-Swartz, 1991: 9). Hai tín điều quan trọng này về Đức Mẹ bổ sung vào tín điều của Giáo lý Công giáo. Như vậy, thế giới quan tôn giáo của người Công giáo đã chính danh hóa niềm tin về sự hiện hình của Đức Mẹ Maria có thể là một tín hiệu từ Thiên Chúa và Thiên Chúa đứng ở bên cạnh họ” (Carroll, 1992: 218). Đây là một cơ sở của niềm tin và thực hành sùng kính vào hiện tượng Đức Mẹ hiện hình đối với nhiều người Công giáo.

Việc gia tăng thực hành sùng kính Đức Mẹ trong cộng đồng Công giáo đã dẫn tới nhiều tuyên bố liên tiếp về sự kiện hiện hình tại Hà Lan diễn ra trong các năm từ 1945-1959. Theo Bộ Giáo lý Đức tin, do “những nghi ngờ liên tục” (persistent doubts) về các sự kiện được cho là hiện hình ở Hà Lan, nên vào năm 1974, Bộ đã bỏ phiếu nhất trí rằng: các sự kiện này không phải là siêu nhiên và không cần phải điều tra thêm. Thông cáo báo chí của Bộ Giáo lý Đức tin cho biết: trong quá khứ, theo luật, Bộ sẽ không đưa ra các quyết định công khai về những hiện tượng được cho là siêu nhiên. Tuy nhiên, do tính chất kéo dài và gây tranh cãi của các nghi ngờ về những tuyên bố mặc khải và hiện hình tại Amsterdam, diễn ra từ năm 1945 đến năm 1959, liên quan tới thực hành sùng kính “Đức Mẹ/Đức Bà các Dân tộc” (The Lady of All Nations), Bộ Giáo lý Đức tin họp ngày 27/3/1974. Cuộc họp đã ban hành hai phán quyết: “1. Phán quyết về giáo lý, OMNES (công khai cho tất cả mọi người): rõ ràng đây không phải là hiện tượng siêu nhiên (“constat de non supernaturalitate”). 2. Về khả năng tiếp tục điều tra các hiện tượng này: OMNES: không cần (“negative”)” (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 1974). Quyết định này được Giáo hoàng Paul VI phê chuẩn trong cuộc họp với Bộ Giáo lý Đức tin, do Hồng Y F. Šeper chủ trì vào ngày 5/4/1974.

## 2.2. Quy định năm 1978

Sự gia tăng đáng kể các tuyên bố về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình đã đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Giáo hội về việc phải có những quy định rõ ràng hơn về vấn đề này. Tháng 11/1978, Hồng y Šeper - Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin của Giáo hội Công giáo - đã ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình phân định các hiện tượng được cho là hiện hình hoặc mặc khải, với tựa đề *Norms Regarding the Manner of Proceeding in the Discernment of Presumed Apparitions or Revelations* (gọi tắt là Quy định năm 1978). Văn bản đưa ra quy định chi tiết về đánh giá các tuyên bố về hiện hình, nhằm hỗ trợ những người có trách nhiệm trong Giáo hội Công giáo trong việc điều tra xem các hiện tượng được cho là hiện hình có thực sự có nguồn gốc siêu nhiên hay không. Quy trình xác minh hiện tượng hiện hình bao gồm 7 bước: “1) Thu thập thông tin đáng tin cậy về các sự kiện; 2) Điều tra nội dung thông điệp trong phạm vi phù hợp với lời dạy chính thống của Giáo hội; 3) Thiết lập một cuộc kiểm tra y tế đối với sức khỏe của những người tuyên bố thị kiến hiện hình; 4) Đánh giá điều kiện luân lý, trí

tuệ của người thị kiến, cũng như đời sống tâm linh và bí tích của họ; 5) Nhận biết các hoa trái tâm linh nảy sinh ra từ những mặc khải; 6) Nhận biết các phép lạ, nếu có; 7) Đưa ra phán quyết của Giáo hội” (Rabczyński, 2019: 550).

Khi nhận được thông tin về tuyên bố hiện hình hoặc mặc khải, Giáo quyền không thể vội vàng đưa ra các phán xét vội vã mà phải điều tra, đánh giá dựa trên một quy trình nghiêm ngặt. Trước tiên, cần xem xét các tiêu chí tích cực và tiêu cực. Sau đó, nếu kết quả ban đầu mang chiều hướng tích cực, Giáo quyền có thể cho phép bày tỏ lòng sùng kính một cách công khai, tuy vẫn cần tiếp tục giám sát thận trọng cho đến khi ra kết luận không có gì trái với đức tin. Cuối cùng, theo dòng thời gian và trải nghiệm, với sự xem xét đặc biệt tới sự phong phú của hoa trái tâm linh phát sinh từ lòng sùng kính mới này, từ đó giáo quyền có thể đánh giá về tính xác thực và bản chất siêu nhiên nếu trường hợp đó xứng đáng (Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith, 1978).

Giáo quyền căn cứ vào tiêu chí để cụ thể đánh giá tính tích cực của tuyên bố hiện hình, bao gồm: (1) Sự chắc chắn về mặt luân lý, hoặc ít nhất là có khả năng tồn tại thực của sự kiện và điều này được đánh giá bằng các phương tiện của một quá trình điều tra nghiêm túc; (2) Các hoàn cảnh cụ thể liên quan tới sự tồn tại và bản chất của sự kiện được xem xét dựa trên: phẩm chất cá nhân của chủ thể hoặc của các chủ thể (đặc biệt là sự cân bằng về mặt tâm lý, sự trung thực và ngay thẳng trong đời sống luân lý, sự chân thành và sự vâng phục thường xuyên đối với giáo quyền, khả năng quay trở lại chế độ bình thường của đời sống đức tin...); về mặt mặc khải thì phải có giáo lý thần học và tâm linh đúng đắn và không có sai lầm; về lòng sùng kính lành mạnh và hoa trái tâm linh dồi dào và liên tục (như: tinh thần cầu nguyện, sự hoán cải, chứng cứ của sự bác ái...) (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 1978).

Giáo quyền cũng thiết lập các tiêu chí để xem xét tính tiêu cực của hiện tượng được cho là hiện hình, bao gồm: (1) Thể hiện sự sai lệch khi xem xét tới sự kiện; (2) Các sai lệch về giáo lý liên quan đến chính Thiên Chúa, Đức Mẹ Maria, hoặc các thánh, và xem xét khả năng người thị kiến đã thêm thắt, ngộ nhận, hay pha trộn những yếu tố thuần túy của con người hoặc một sự kiện mặc khải được cho là siêu nhiên đích thực; (3) Bằng chứng về sự tìm kiếm lợi ích hoặc trục lợi liên quan tới sự kiện; (4) Những hành vi vô đạo đức nghiêm trọng được thực hiện bởi chủ thể thị kiến hoặc những người ủng hộ chủ thể khi sự kiện diễn ra hoặc có liên quan đến sự việc đó; (5) Rối loạn tâm lý hoặc khuynh hướng tâm thần ở chủ thể chắc chắn đã ảnh hưởng đến nhận thức về sự kiện, bao gồm: chứng loạn thần, chứng cuồng loạn tập thể hoặc các trạng thái tâm thần tương tự (Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith, 1978).

Các tiêu chí về tính tích cực và tiêu cực như đã nêu là căn cứ để hướng dẫn Giáo quyền trong việc can thiệp vào các trường hợp tuyên bố hiện hình và các thực hành sùng kính phát triển từ đó. Đối với những sự kiện được cho siêu nhiên và xuất hiện một cách tự phát trong cộng đồng tín hữu dưới hình thức một thực hành sùng kính cụ thể, Giáo quyền có trách nhiệm xem xét một cách nghiêm túc và cẩn thận. Nếu các tín hữu đệ trình thỉnh nguyện về tính chính đáng của hiện tượng này mà không phải theo tinh thần của giáo phái, Giáo quyền có thể can

thiệp bằng cách cho phép hoặc khuyến khích một số hình thức sùng kính, sau khi áp dụng các tiêu chí đánh giá và nhận thấy không trái với đức tin. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng các tín hữu không nên hiểu sự cho phép thực hành này như một sự công nhận của Giáo hội về tính siêu nhiên của sự kiện. Vì lý do mục vụ và giáo lý, Giáo quyền có thể can thiệp bằng sắc lệnh trong các tình huống khẩn thiết, chẳng hạn, để sửa chữa hoặc ngăn chặn việc lạm dụng trong thực hành sùng kính, để lên án các giáo thuyết sai lạc, hoặc để ngăn ngừa nguy cơ về chủ nghĩa thần bí không đúng đắn và sai lầm. Trong những trường hợp chưa rõ ràng và có nguy cơ xâm phạm đến lợi ích của Giáo hội, Giáo quyền nên kiềm chế tránh đưa ra phán xét hay hành động trực tiếp. Điều này là cần thiết bởi theo thời gian, những hiện tượng được cho là siêu nhiên có thể rơi vào lãng quên. Tuy nhiên, Giáo quyền không được vì thế mà lơ là cảnh giác, mà phải sẵn sàng can thiệp một cách thận trọng và kịp thời khi cần thiết (Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith, 1978).

Quy định năm 1978 cũng nói rõ về thẩm quyền và trách nhiệm của Giáo quyền các cấp trong xem xét hiện tượng hiện hình. Theo đó, trên hết, nhiệm vụ cảnh giác và can thiệp thuộc về “Đấng Bản quyền” (thường là Giám mục giáo phận). Hội đồng Giám mục quốc gia có thể can thiệp nếu Đấng Bản quyền địa phương thực hiện phận vụ của mình và trong trường hợp cần có đánh giá chắc chắn hơn về vấn đề đang quan tâm. Tuy nhiên, ngay cả khi vấn đề diễn ra ở cấp quốc gia hoặc khu vực thì sự can thiệp trước hết của Hội đồng Giám mục quốc gia vẫn cần có sự đồng thuận của Đấng Bản quyền sở tại. Tòa Thánh có thể can thiệp nếu có yêu cầu từ phía Đấng Bản quyền, từ một nhóm tín hữu có ảnh hưởng, hoặc thậm chí xuất phát trực tiếp từ quyền phán xét hoàn vũ của Giáo hoàng. Bộ Giáo lý Đức tin có thể được yêu cầu can thiệp bởi Đấng Bản quyền, một nhóm tín hữu có uy tín. Trong trường hợp thứ hai, việc xem xét của Bộ Giáo lý Đức tin phải được thực hiện với sự đảm bảo không bị chi phối bởi những động cơ không chính đáng như: để ép buộc Đấng Bản quyền chỉnh sửa các quyết định hợp pháp, hoặc nhằm hậu thuẫn cho một nhóm giáo phái cụ thể. Bộ Giáo lý Đức tin có thể can thiệp bằng việc ban hành sắc lệnh trong những trường hợp khẩn thiết, đặc biệt nếu hiện tượng có ảnh hưởng đến phần lớn công đồng của Giáo hội. Việc can thiệp này luôn có sự tham vấn từ Đấng Bản quyền, và trong tình huống cần thiết, có thể tham vấn cả Hội đồng Giám mục. Bộ này có thẩm quyền phán quyết và đồng ý đối với quá trình giải quyết của Đấng Bản quyền, hoặc nếu cần thiết có thể tiến hành một cuộc đánh giá độc lập so với Đấng Bản quyền. Việc đánh giá này có thể do chính Bộ thực hiện hoặc thông qua một ủy ban đặc biệt (Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith, 1978).

Theo quy định nêu trên, việc đánh giá của Giáo hội Công giáo đối với các hiện tượng hiện hình được chia thành bốn cấp độ: (1) Cấm cản nếu hiện tượng đó trái ngược với đức tin hay luân lý Công giáo; (2) Giáo hội không có tuyên bố chính thức nào về hiện tượng hiện hình nếu không trái với đức tin và luân lý do thiếu các bằng chứng xác thực để khẳng định tính siêu nhiên của hiện tượng; (3) Giáo hội giữ thái độ trung tính và chỉ tuyên bố sự kiện hiện hình đó không có gì trái với đức tin và luân lý Công giáo. Ở cấp độ này, Giáo hội có thể thể hiện sự chấp thuận thụ động, và cho phép tín hữu Công giáo tự do thực hành sùng kính; (4)

Cuối cùng, cấp độ cao nhất là khi Giáo hội xác nhận một cách chủ động về hiện tượng hiện hình thông qua tuyên bố chính thức công nhận hiện tượng đó như là biểu hiện của niềm tin ngoan đạo (Miller and Samples, 1992: 86-87).

### 2.3. Quy định năm 2024

Đến năm 2019, Quy định năm 1978 bắt đầu được xem xét để sửa đổi với sự tham gia tư vấn và chỉ đạo của Bộ Giáo lý Đức tin. Sau đó, nhiều bản đề xuất điều chỉnh đã được đưa ra, tuy nhiên, chúng vẫn được đánh giá là chưa đủ. Ngày 16/11/2023, trong một cuộc họp của Bộ Giáo lý Đức tin, yêu cầu thực hiện sửa đổi một cách sâu sắc đối với dự thảo trước đây được chính thức đưa ra. Sau đó, một dự thảo mới đã được xem xét vào ngày 4/3/2024 và trình lên Giáo hoàng vào ngày 4/5/2024. Cho đến ngày 17/5/2024, Bộ Giáo lý Đức tin ra quy định mới *Norms of Proceeding in the Discernment of Alleged Supernatural Phenomena* (Các chuẩn mực tiến hành đánh giá các hiện tượng được cho là siêu nhiên, gọi tắt là Quy định năm 2024) (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 2024).

Quy định năm 2024 được ban hành nhằm khắc phục những bất cập nảy sinh trong quá trình triển khai Quy định năm 1978 vào thực tiễn. Trước đây, Bộ Giáo lý Đức tin chủ yếu dựa vào vai trò của Giám mục địa phương để đánh giá một hiện tượng là “siêu nhiên” hay “không siêu nhiên”. Cho nên đã xuất hiện tình trạng là một số Giám mục khẳng định rằng họ có thẩm quyền đưa ra tuyên bố tích cực về hiện tượng hiện hình. Điều này dẫn đến việc định hướng tín hữu tin vào các hiện tượng đó, đôi khi còn đánh giá cao hơn cả giá trị của Phúc Âm. Mặt khác, ngay cả khi một số Giám mục mong muốn có được sự chuẩn nhận chính thức của Bộ Giáo lý Đức tin thì sau khi được cho phép công bố, họ lại bị yêu cầu không được trích dẫn quan điểm của Bộ trong tuyên bố của mình. Quy định có phần mâu thuẫn như vậy gây ra sự bối rối trong việc đánh giá các hiện tượng như hiện hình. Trong bối cảnh đó, số lượng các tuyên bố về hiện tượng siêu nhiên ngày càng gia tăng, trong khi các hướng dẫn cụ thể vẫn còn thiếu vắng (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 2024).

Từ thực tế đó, Quy định năm 2024 thiết lập một quy trình ba giai đoạn: điều tra, đánh giá và kết luận. Đặc biệt, ở giai đoạn kết luận, quy định này đề xuất sáu giải pháp để hướng dẫn việc xử lý các sự kiện liên quan đến hiện tượng được cho là siêu nhiên. Các giải pháp này cho phép Bộ Giáo lý Đức tin và các Giám mục địa phương xem xét các vấn đề nảy sinh trong từng trường hợp cụ thể. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, giải pháp “*Nihil obstat*” (Không phản đối): phương án này được áp dụng trong trường hợp không có cơ sở chắc chắn về tính siêu nhiên của hiện tượng, nhưng có thể có nhiều tín hiệu của Chúa Thánh Thần trong trải nghiệm tâm linh; đồng thời, không phát hiện ra bất kỳ yếu tố nào đáng chỉ trích hoặc có những nguy cơ tiềm ẩn tính đến tới thời điểm đánh giá. Do đó, Giám mục giáo phận được khuyến khích đánh giá cao giá trị mục vụ của hiện tượng, thậm chí có thể khuyến khích các hình thức thực hành tôn giáo liên quan, bao gồm cả việc tổ chức hành hương tới các địa điểm được cho là linh thiêng..

*Thứ hai*, giải pháp “*Prae oculis habeatur*” (Cần lưu ý): mặc dù hiện tượng có những

dấu hiệu tích cực đáng ghi nhận, song vẫn tồn tại một số khía cạnh gây bối rối hoặc có nguy cơ tiềm ẩn đòi hỏi Giám mục giáo phận cần thận trọng khi đánh giá, việc đối thoại mục vụ với các cá nhân liên quan là cần thiết, đặc biệt là đối thoại với những người tuyên bố đã được trải nghiệm tâm linh. Nếu có những chứng từ viết hoặc thông điệp, thì việc làm rõ về mặt giáo lý có thể là cần thiết khi xem xét tới hiện tượng này.

*Thứ ba*, giải pháp “*Curatur*” (Cần quản lý): trong bối cảnh nhiều yếu tố cần xem xét, nhưng hiện tượng đã lan rộng và có nhiều kết quả tâm linh được hình thành liên quan tới nó. Trong tình huống này, việc ban hành lệnh cấm khuyến nghị vì có thể làm tổn thương đến cộng đồng tín hữu. Mặc dù vậy, Giám mục giáo phận được yêu cầu không khuyến khích phổ biến hiện tượng mà cần định hướng cộng đoàn thay thế hình thức sùng kính khác; đồng thời có thể hướng đến việc điều chỉnh các khía cạnh mục vụ và tâm linh có liên quan.

*Thứ tư*, giải pháp “*Sub mandato*” (Ủy nhiệm): Giải pháp này được đề xuất áp dụng khi bản thân hiện tượng có các yếu tố tích cực nhưng vấn đề tiêu cực lại xuất phát từ cá nhân, gia đình hoặc một nhóm nào đó đang lợi dụng nó. Ví dụ, trải nghiệm tâm linh có thể bị lợi dụng để đạt được mục tiêu thu lợi tài chính bất chính, thực hành các hoạt động phi luân lý, hoặc thực hiện hoạt động mục vụ ngoài phạm vi Giáo hội và không tuân theo quy định của Giám mục giáo phận. Trong tình huống này, Giám mục giáo phận của nơi diễn ra hiện tượng hoặc một người được Tòa thánh ủy nhiệm được giao vai trò lãnh đạo mục vụ. Nếu người được giao nhiệm vụ không thể can thiệp trực tiếp thì sẽ phải cố gắng đạt được một thỏa thuận hợp lý.

*Thứ năm*, giải pháp “*Prohibetur et obstruatur*” (Cấm và ngăn chặn): giải pháp này được áp dụng trong trường hợp mặc dù đã có những đề nghị đánh giá hợp pháp và hiện tượng có một số yếu tố tích cực, song các vấn đề và nguy cơ liên quan lại bị chỉ trích nghiêm trọng. Do đó, để ngăn chặn sự bối rối hoặc bê bối làm xói mòn đức tin của giáo dân, Bộ Giáo lý Đức tin yêu cầu Giám mục giáo phận tuyên bố công khai không chấp nhận việc cổ vũ hiện tượng này. Đồng thời, Giám mục giáo phận được yêu cầu cung cấp cơ sở giáo lý để giúp tín hữu hiểu rõ lý do của quyết định này và định hướng tín hữu theo các thực hành tâm linh chính thống của thành phần dân Chúa.

*Thứ sáu*, giải pháp “*Declaratio de non supernaturalitate*” (Tuyên bố không phải là siêu nhiên): trong tình huống này, Bộ Giáo lý Đức tin ủy quyền cho Giám mục Giáo phận tuyên bố rằng hiện tượng không phải là siêu nhiên dựa trên sự kiện thực, cùng bằng chứng cụ thể và được chứng minh. Nếu một vụ việc thị kiến được xác nhận là có dấu hiệu nói dối hoặc có nhân chứng đáng tin cậy chứng minh rằng hiện tượng đó dựa trên sự thêu dệt, có mục đích sai lầm hay hoang tưởng (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 2024).

Điểm lưu ý là, sự khác biệt quan trọng giữa Quy định năm 2024 và Quy định năm 1978 nằm ở cách thức đánh giá và công bố về nguồn gốc siêu nhiên của các hiện tượng: theo quy định 2024, *Giám mục giáo phận, Hội đồng Giám mục, và Bộ Giáo lý Đức tin không tuyên bố các hiện tượng là có nguồn gốc siêu nhiên*. Ngay cả giải pháp “*Nihil obstat*”, việc công nhận các hiện tượng cũng không phải là chấp nhận nguồn gốc siêu nhiên của nó. Ví dụ, trường hợp

hiện hình, thị kiến Thiên Chúa và Đức Mẹ. Sự thay đổi trong việc xem xét các hiện tượng xuất phát từ thực tế rằng, để đánh giá một hiện tượng là siêu nhiên đòi hỏi rất nhiều thời gian, mà còn tiềm ẩn khả năng phủ định lẫn nhau giữa các phán quyết ở các thời kỳ khác nhau. Thực tế, từng có trường hợp một hiện tượng được công nhận là siêu nhiên vào thời điểm này nhưng lại bị bác bỏ vào các năm sau, gây ra những bối rối trong cộng đồng tín hữu. Hơn nữa, với sự phát triển của các phương tiện truyền thông hiện đại và sự gia tăng các cuộc hành hương, nhiều hiện tượng không chỉ diễn ra ở cấp độ quốc gia mà thậm chí là toàn cầu. Do đó, một quyết định của một Giáo phận cụ thể có thể kéo theo những ảnh hưởng đến cả những nơi khác (Dicastery for the Doctrine of the Faith, 2024).

### **Kết luận**

Hiện tượng hiện hình nói chung và hiện tượng Đức Mẹ hiện hình nói riêng đã được quan tâm nghiên cứu từ nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, quản lý xã hội của Nhà nước và quản trị của nội bộ tổ chức tôn giáo, việc phân biệt nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo đích thực với các biểu hiện “mê tín, dị đoan” hoặc lợi dụng tôn giáo là cần thiết. Tuy nhiên, trước một hiện tượng phức tạp như Đức Mẹ hiện hình cần phải có những đánh giá cân trọng từ cả giới nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản lý. Trong nghiên cứu này, tác giả đề xuất rằng, Đức Mẹ hiện hình nên được tiếp cận như là một hiện tượng tôn giáo có các chiều kích đa dạng, vừa có nền tảng trong hệ thống niềm tin và giáo lý Công giáo, vừa phản ánh các khía cạnh văn hóa, xã hội, chính trị, kinh tế và môi trường gắn liền với đời sống con người. Việc phân tích, đánh giá các tuyên bố và sự kiện được cho là “Đức Mẹ hiện hình” cần đặt trong khung phân tích đa chiều cạnh thay vì khu biệt hóa tuyệt đối vào một khía cạnh nào đó. Từ đây có thể thấy, các hiện tượng tôn giáo như Đức Mẹ hiện hình không chỉ là sự biểu đạt yếu tố thuần túy niềm tin mà còn mang cả những yếu tố thế tục, tạo ra những hiệu ứng cả về mặt tôn giáo và văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội.

Trong bối cảnh Việt Nam, việc đánh giá một hiện tượng tôn giáo như Đức Mẹ hiện hình trước hết cần dựa trên cơ sở các quy định pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và các vấn đề có liên quan. Đồng thời, các đánh giá cũng cần kết hợp xem xét xem những quy định chính thức từ phía Giáo hội Công giáo ra sao, để đưa ra cách tiếp cận toàn diện và giải quyết hiệu quả hơn. Nghiên cứu này chỉ ra rằng, quan điểm của Giáo hội Công giáo về hiện tượng Đức Mẹ hiện hình được thể hiện rõ ràng nhất là thông qua Quy định năm 1978 và Quy định năm 2024. Nội dung của các quy định đối với hiện tượng siêu nhiên nói chung và Đức Mẹ hiện hình nói riêng của Giáo hội Công giáo cũng cho thấy có sự thay đổi theo thời gian.

Đặc biệt, quy định năm 2024 phản ánh một hướng tiếp cận linh hoạt hơn với nhiều lựa chọn dựa trên các tiêu chí đánh giá chặt chẽ. Có lẽ chính Giáo hội Công giáo cũng nhận thấy các tuyên bố về Đức Mẹ hiện hình chứa đựng sự phức tạp. Cho nên, những lựa chọn đánh giá và phản ứng của Giáo hội Công giáo hiện nay không hướng đến xem xét công nhận các hiện tượng tuyên bố Đức Mẹ hiện hình có nguồn gốc siêu nhiên nữa. Việc nắm bắt và vận dụng

hợp lý những quy định và quan điểm này của Giáo hội sẽ giúp các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực tôn giáo có thể chủ động đưa ra những giải pháp phù hợp, hiệu quả hơn đối với các trường hợp có liên quan đến Đức Mẹ hiện hình. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để công tác vận động quần chúng tín đồ tránh bị lợi dụng vào các hoạt động với mục đích gây bất ổn xã hội./.

### Tài liệu tham khảo

1. Duong Van Bien (2024), “Multiple agents involved in the process of localization of Our Lady of La Vang: From a Mythic Figure to the Mother of Vietnam”, in: Liam C. Kelley, Gerard Sasges (Eds): *Vietnam over the Long Twentieth Century*, Springer, Singapore, pp. 101-125.
2. Blackburn, David (1994), *Marpingen Apparitions of the Virgin Mary in Nineteenth-Century Germany*, Oxford University Press, New York.
3. Carroll, Michael P (1992), *The cult of the Virgin Mary: Psychological Origins*, Princeton University Press, Oxford.
4. Clark, Stuart (2003), “The Reformation of the Eyes: Apparitions and Optics in Sixteenth- and Seventeenth-Century Europe”, *The Journal of Religious History*, Vol. 27, No. 2, June, pp. 143-160.
5. Cruz, Deirdre De La. (2015), *Mother Figured: Marian Apparitions and the Making of a Filipino Universal*, The University of Chicago Press, Chicago and London.
6. De Oca, Rev. Fr. V. Montes (translated by Rev. J. Dacruz) (1945), *More about Fatima and the Immaculate Heart of Mary*, The Philips Park Press, Manchester.
7. Denney, Stephen (1990), “The Catholic Church in Vietnam”, in: Pedro Ramet. Ed.: *Catholicism and Politics in Communist Societies*, Durham, and London: Duke University Press, pp. 270-295.
8. Dicastery for the Doctrine of the Faith (2024), *Norms for Proceeding in the Discernment of Alleged Supernatural Phenomena*, [https://www.vatican.va/roman\\_curia/congregations/cfaith/documents/rc\\_ddf\\_doc\\_20240517\\_norme-fenomeni-soprannaturali\\_en.html](https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_ddf_doc_20240517_norme-fenomeni-soprannaturali_en.html), ngày truy cập 28/3/2025.
9. Dilley, Frank B, “Apparitions: Two Theories”, in: Frank B. Dilley (Ed., 1995): *Philosophical Interactions with Parapsychology - The Major Writings of H. H. Price on Parapsychology and Survival*, M. St. Martin’s Press.
10. Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Phạm Cảnh Đáng (2020), *Đi tìm Đức Mẹ Trà Kiệu*, Lưu hành nội bộ.
12. Giuse Maria Phạm Cảnh Đáng & Matheo Lưu Văn Thiên (2018), *Linh Địa Trà Kiệu*, Lưu hành nội bộ.

13. Ford, Rev. John T., CSC, STD (2006), *Saint Mary's Press Glossary of Theological Terms*, Saint Mary's Press.
14. Jelly, Frederick M. (1993), "Discerning the Miraculous: Norms for Judging Apparitions and Private Revelations", *Marian Studies*, Volume 44, Article 8, tr. 41-55.
15. Kingham, Andrew J. (2007), *The Norms for Judging Alleged Apparitions and Private Revelations*, PhD Dissertation, Saint Paul University, Otta, Canada.
16. Đỗ Quang Hưng (2016), *Sự kiện tôn giáo*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
17. Nguyễn Phú Lợi (2014), "Thách thức đối với Công giáo qua các hiện tượng "Canh tân đặc sủng" và "Hà Môn" ở khu vực Tây Nguyên hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 04, tr. 82-92.
18. Marnham, Patrick (1981), *Lourdes A Modern Pilgrimage*, Granada, London.
19. Maunder, Chris. (1991), *Apparitions of the Virgin Mary in Modern European Roman Catholicism (From 1830)*, Volume 1, PhD thesis at the University of Leeds.
20. Maunder, Chris. (2016), *Our Lady of the Nations: Apparitions of Mary in Twentieth-Century Catholic Europe*, Oxford University Press, Oxford.
21. Miller, Elliot and Samples, Kenneth R. (1992), *The Cult of the Virgin Catholic Mariology and the Apparitions of Mary*, Baker Book House Company.
22. Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Musso, Valeria Céspedes (2019), *Marian Apparitions in Cultural Contexts: Applying Jungian Concepts to Mass Visions of the Virgin Mary*, Routledge, London and New York.
24. Ninh, Thien-Huong T. (2017), *Race, Gender, and Religion in the Vietnamese Diaspora: The New Chosen People*, Palgrave Macmillan.
25. Hoàng Phê (Chủ biên, 2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
26. Hồng Phúc (Chủ biên, 1955), *Đức Mẹ La Vang*, Nxb. Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Sài Gòn.
27. Hồng Phúc (1998), *Đức Mẹ Hằng cứu giúp La Mã Bến Tre*, Việt Nam, Lưu hành nội bộ.
28. Rabczyński, Paweł (2019), "The Credibility of Marian Apparitions. The Gietrzwałd Context", *Nova prisutnost*, 17, pp. 543-564.
29. Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith (1978), *Norms Regarding the Manner of Proceeding in the Discernment of Presumed Apparitions or Revelations*, [https://www.vatican.va/roman\\_curia/congregations/cfaith/documents/rc\\_con\\_cfaith\\_doc\\_19780225\\_norme-apparizioni\\_en.html](https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19780225_norme-apparizioni_en.html), ngày truy cập 25/2/2025.
30. Swann, Ingo (1996), *The Great Apparitions of Mary: An Examination of Twenty-two Supranormal Appearances*, The Crossroad Publishing Company, New York.

31. Tran, Mary Kim Anh Thi (2024), *Our Lady of La Vang: History and Theology of a Vietnamese Devotion*, Pickwick Publications, Eugene, Oregon.
32. United States Catholic Conference (1997), *The Catechism of the Catholic Church: Modifications from the Editio Typica*, Libreria Editrice Vaticana.
33. Zimdars-Swartz, Sandra L. (1991), *Encountering Mary: From La Salette to Medjugorje*, Princeton University Press, Princeton & New Jersey.

## Abstract

### THE PHENOMENON OF MARIAN APPARITION: RESEARCH FROM INTERDISCIPLINARY PERSPECTIVES AND REGULATIONS OF THE CATHOLIC CHURCH

**Duong Van Bien**

*Institute of Anthropology and Religious Studies,  
Vietnam Academy of Social Sciences*

Marian apparition is a complex religious phenomenon that has attracted interest from various sides, including the general public, scholars, social administrators, and the Catholic Church. Research on this phenomenon has been conducted using a range of approaches. This article selects the perspectives from Holism in Anthropology and the Phenomenology of Religion, arguing that “Marian apparition” should be understood as a multi-dimensional religious phenomenon. In addition, the article emphasizes that the official viewpoint and regulation of the Catholic Church on the phenomenon of Marian apparitions, particularly the regulations released in 1978 and 2024, need to be regarded as significant references. A comparison of these regulations from two different years as such reveals certain changes in the Catholic Church’s stance regarding the phenomenon of Marian apparition, providing useful suggestions for scholarly research and religious administrations, especially in the context of Vietnam.

**Keywords:** Marian Apparition, Anthropological Holism, Religious Studies, Phenomenology of Religion, Catholic Church, Religious Phenomenon